ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2399/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 27 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường thuộc dự án Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại Khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh về việc quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 651/TTr-STNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường thuộc dự án Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại Khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, cụ thể:

1. Mục đích định giá đất: Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thuộc dự án Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại Khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ.

2. Thông tin về khu đất cần định giá

a) Vị trí đất thu hồi tại phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

b) Diện tích thu hồi đất: 20.722,9 m^2.

c) Mục đích sử dụng: Đất ở, đất trồng cây lâu năm.

d) Thời điểm định giá: Tháng 9/2022.

3. Kết quả xác định giá đất.

STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh *(đồng/m^2)*	Giá đất cụ thể *(đồng/m^2)*	Hệ số điều chỉnh giá đất
A	**Đất ở**			
1	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Chí Thanh)			
	Phạm vi 1 (25m đầu)	20.000.000	35.500.000	1,78
	Phạm vi 2 (Từ trên 25m đến 50m)	10.000.000	17.750.000	1,78
	Phạm vi 3 (Từ trên 50m đến 100m)	8.000.000	14.200.000	1,78
	Phạm vi 4 (Từ trên 100m đến 200m)	6.000.000	10.650.000	1,78
2	Các thửa đất tiếp giáp hẻm chính xác định theo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Chí Thanh): Chiều rộng từ 4m trở lên, chiều dài: 300-400m. Kết cấu: Không trải nhựa.	3.780.000	7.170.000	1,90
3	Các thửa đất tiếp giáp đường xác định là hẻm phụ theo đường Trần Hưng Đạo (đoạn Lê Duẩn đến Nguyễn Chí Thanh) (Hẻm chính: Chiều rộng từ 4m trở lên, chiều dài: 100-200m. Kết cấu: Trải nhựa. Hẻm phụ: Chiều rộng từ 4m trở lên, chiều dài: 100-200m. Kết cấu: Trải nhựa)	3.888.000	7.170.000	1,84
4	Các thửa đất không tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Chí Thanh)			
	Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	2.000.000	3.550.000	1,78
	Trong phạm vi trên 100m	400.000	3.550.000	8,88
5	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Phạm Đình Hổ đến đường Hồ Xuân Hương)			
	Phạm vi 1 (25m đầu)	7.500.000	13.475.000	1,80
6	Các thửa đất không tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Phạm Đình Hổ đến đường Hồ Xuân Hương)			
	Trong phạm vi 25m	2.250.000	3.015.000	1,34
	Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	1.500.000	3.015.000	2,01
	Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	750.000	3.015.000	4,02
	Trong phạm vi trên 100m	400.000	3.015.000	7,54

STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh *(đồng/m^2)*	Giá đất cụ thể *(đồng/m^2)*	Hệ số điều chỉnh giá đất
7	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Ngô Thì Nhậm (đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Hồ Xuân Hương)			
	Phạm vi 1 (25m đầu)	7.500.000	13.475.000	1,80
8	Các thửa đất không tiếp giáp đường Ngô Thì Nhậm (đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Hồ Xuân Hương)			
	Trong phạm vi 25m	2.250.000	3.015.000	1,34
	Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	1.500.000	3.015.000	2,01
	Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	750.000	3.015.000	4,02
	Trong phạm vi trên 100m	400.000	3.015.000	7,54
9	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường Trần Quang Diệu (thuộc các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ)			
	Phạm vi 1 (25m đầu)	7.000.000	13.071.000	1,87
10	Các thửa đất không tiếp giáp đường Trần Quang Diệu (thuộc các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ)			
	Trong phạm vi 25m	2.100.000	3.015.000	1,44
	Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	1.400.000	3.015.000	2,15
	Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	700.000	3.015.000	4,31
B	**Đất trồng cây lâu năm**			
1	Vị trí 1: Các thửa đất xác định theo vị trí mặt tiền đường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Văn Linh, Ngô Thì Nhậm, Trần Quang Diệu. Từ phạm vi 1 đến phạm vi 5	300.000	879.000	2,93
2	Vị trí 2: Các thửa đất tiếp giáp hẻm chính, hẻm phụ xác định theo đường Trần Hưng Đạo *(đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Chí Thanh):* a) Hẻm chính: Chiều rộng từ 4m trở lên, chiều dài: 300-400m. Kết cấu: Không trải nhựa. b) Hẻm chính: Chiều rộng từ 4m trở lên, chiều dài: 100-200m. Kết cấu: Trải nhựa. Hẻm phụ: Chiều rộng từ 4m trở lên, chiều dài: 100-200m. Kết cấu: Trải nhựa	300.000	765.000	2,55

STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh *(đồng/m^2)*	Giá đất cụ thể *(đồng/m^2)*	Hệ số điều chỉnh giá đất
3	Vị trí 4: Các vị trí đất còn lại (không tiếp giáp đường).			
3.1	Các vị trí đất còn lại (không tiếp giáp đường) xác định theo đường Trần Hưng Đạo.			
	Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	300.000	600.000	2,00
	Trong phạm vi trên 100m	120.000	600.000	5,00
3.2	Các vị trí đất còn lại (không tiếp giáp đường) xác định theo đường Nguyễn Văn Linh, đường Ngô Thì Nhậm.			
	Trong phạm vi 25m	300.000	600.000	2,00
	Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	300.000	600.000	2,00
	Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	225.000	600.000	2,67
	Trong phạm vi trên 100m	120.000	600.000	5,00
3.3	Các vị trí đất còn lại (không tiếp giáp đường) xác định theo đường Trần Quang Diệu (thuộc các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ).			
	Trong phạm vi 25m	300.000	600.000	2,00
	Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	300.000	600.000	2,00
	Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	210.000	600.000	2,86

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 112).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh